CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

***1. Đối tượng của lôgích học là gì?* D**
A) Nhận thức.
B) Tính chân lý của tư tưởng.
C) Tư duy.
D) Kết cấu và quy luật của tư duy.

***2. Tư duy có những đặc tính nào?* D**
A) Cụ thể, sinh động, trừu tượng, khái quát,
B) Gián tiếp, năng động - sáng tạo, sinh động và sâu sắc.
C) Trực tiếp, liên hệ với ngôn ngữ, trừu tượng, khái quát, sâu sắc.
D) Gián tiếp, năng động - sáng tạo, trừu tượng, khái quát, sâu sắc.

***3. Mệnh đề nào sau đây đúng?* A**
A) Tư duy càng trừu tượng thì càng khái quát.
B) Tư duy càng trừu tượng thì càng chính xác.
C) Tư duy càng khái quát thì càng gián tiếp và đúng đắn.
D) Tư duy càng khái quát thì càng gián tiếp, càng trừu tượng, càng đúng đắn, càng năng động - sáng tạo.

***4. Hình thức tư duy, kết cấu lôgích của tư tưởng là gì?* C**
A) Những cái tiên nghiệm.
B) Hai cái hoàn toàn khác nhau.
C) Một bộ phận của nội dung tư tưởng.
D) Những sơ đồ, công thức, ký hiệu do con người đặt ra để dễ dàng diễn đạt nội dung tư tưởng.

***5. Bổ sung để có một câu đúng của Lênin: "Những hình thức lôgích và những quy luật lôgích không phải là cái vỏ trống rỗng mà là . . . của thế giới khách quan".* C**
A) sản phẩm.
B) công cụ nhận thức.
C) phản ánh.
D) nguồn gốc.

***6. Quy luật tư duy (quy luật lôgích của tư tưởng) là gì?* D**
A) Mối liên hệ bản chất, tất yếu, khách quan giữa các tư tưởng.
B) Cái chi phối các kết cấu của tư tưởng để đảm bảo cho tư tưởng phản ánh đúng đối tượng được tư tưởng.
C) Các yêu cầu đối với tư duy để tư duy phù hợp với hiện thực.
D) A), B), C) đều đúng.

***7. Từ "lôgích" trong tiếng Việt có nghĩa là gì?* D**
A) Mối liên hệ mang tính tất yếu giữa các sự vật, hiện tượng trong hiện thực khách quan.
B) Mối liên hệ mang tính tất yếu giữa những ý nghĩ, tư tưởng trong hiện thực chủ quan.
C) Lôgích học.
D) A), B), C) đều đúng.

***8. Lôgích học là gì?* B**
A) Khoa học về tư duy.
B) Môn học nghiên cứu các hình thức và quy luật của tư duy.
C) Môn học nhằm làm trong sáng đầu óc.
D) Khoa học vạch ra sự phù hợp của tư tưởng với tư tưởng.

***9. Bổ sung từ còn thiếu để có một câu đúng: "Vấn đề về tính chân lý của tư duy là vấn đề . . .".* A**
A) cơ bản của Lôgích học.
B) nói về sự phù hợp của tư tưởng với thực tại.
C) nói về sự phù hợp của tư tưởng với tư tưởng.
D) cơ bản của mọi hoạt động nhận thức của con người.

***10. Nhiệm vụ của lôgích học là gì?* D**
A) Vạch ra các hình thức và quy luật của tư duy lôgích.
B) Vạch ra các hình thức và quy luật của tư duy biện chứng.
C) Vạch ra tính chân lý của tư tưởng.
D) Vạch ra các kết cấu của tư tưởng, các sơ đồ của lập luận, các quy tắc, phương pháp chi phối chúng...

***11. Bổ sung từ còn thiếu để có một câu đúng: "Lôgích học (LG) được chia thành . . ."* D**
A) LG biện chứng, LG hình thức và LG toán.
B) LG lưỡng trị, LG đa trị và LG mờ.
C) LG cổ điển và LG phi cổ điển.
D) A), B), C) đều đúng.

12. Khi khảo sát một tư tưởng, lôgích hình thức chủ yếu làm gì? ***A***
A) Chỉ để ý đến hình thức của tư tưởng.
B) Chỉ để ý đến nội dung của tư tưởng.
C) Vừa để ý đến nội dung, vừa để ý đến hình thức của tư tưởng.
D) Tuỳ từng trường hợp mà để ý đến nội dung, hình thức hay để ý đến cả hai.

13. Quy luật đồng nhất phản ánh điều gì trong hiện thực? **A**
A) Sự đứng im tương đối, sự ổn định về chất của đối tượng được tư tưởng.
B) Sự đồng nhất tư tưởng với đối tượng được tư tưởng.
C) Tính bất biến của đối tượng được tư tưởng.
D) Cả A), B) và C).

14. Quy luật lý do đầy đủ phản ánh điều gì trong hiện thực? **D**
A) Tính chứng minh được của tư tưởng.
B) Mối liên hệ phổ biến của sự vật, hiện tượng.
C) Mối liên hệ nhân quả chi phối giữa các đối tượng được tư tưởng.
D) Cơ sở dẫn tới sự đứng im tương đối, sự ổn định về chất của đối tượng được tư tưởng.

15. "Hai tư tưởng trái ngược nhau không cùng đúng" là phát biểu của quy luật (QL) nào? ***B***
A) QL Loại trừ cái thứ ba.
B) QL Phi mâu thuẫn.
C) QL Đồng nhất.
D) QL Lý do đầy đủ.

16. Mệnh đề "Hai tư tưởng (TT) không cùng đúng" tương đương lôgích với mệnh đề nào? ***B***
A) Hai TT không thể cùng sai.
B) Hai TT, trong đó, nếu TT này đúng thì TT còn lại sai.
C) Hai TT, trong đó, nếu TT này sai thì TT còn lại đúng.
D) Hai TT, trong đó, nếu TT này đúng thì TT kia sai, và nếu TT này sai thì TT kia đúng.

17. "Hai tư tưởng mâu thuẫn nhau không thể đồng thời cùng đúng, cùng sai" là phát biểu của quy luật nào? **B**
A) QL Phi mâu thuẫn.
B) QL Loại trừ cái thứ ba.
C) QL Đồng nhất.
D) QL Lý do đầy đủ.

18. Nếu a là một tư tưởng thì mệnh đề "Một tư tưởng không thể đồng thời có hai giá trị lôgích trái ngược nhau" được kí hiệu như thế nào? **A**
A) $\sim(a \land \sim a)$.
B) $\sim(a \lor \sim a)$.
C) $a \lor \sim a$.
D) $\sim a \land a$.

19. Nếu a là một tư tưởng thì mệnh đề "Một tư tưởng chỉ có một giá trị lôgích xác định hoặc là đúng hoặc là sai chứ không có khả năng thứ ba" được ký hiệu như thế nào? **C**
A) $\sim(a \land \sim a)$.
B) $\sim(a \lor \sim a)$.
C) $a \lor \sim a$.
D) $\sim a \land a$.

20. Quy luật phi mâu thuẫn còn được phát biểu như thế nào trong lịch sử lôgích học? **B**
A) Một sự vật là chính nó.
B) Một sự vật không thể vừa là nó vừa không phải là nó.
C) Một sự vật có thể thế này nhưng cũng có thể thế khác.
D) Một sự vật hoặc có hoặc không có, chứ không thể có trường hợp thứ ba.

21. Quy luật loại trừ cái thứ ba còn được phát biểu như thế nào trong lịch sử Lôgích học? **D**
A) Một sự vật là chính nó.
B) Một sự vật không thể vừa là nó vừa không phải là nó.
C) Một sự vật có thể thế này nhưng cũng có thể thế khác.
D) Một sự vật hoặc có hoặc không có, chứ không thể có trường hợp thứ ba.

22. Quy luật phi mâu thuẫn là cơ sở của thao tác lôgích nào? ***A***
A) Phép bác bỏ gián tiếp.
B) Phép bác bỏ trực tiếp.
C) Phép chứng minh phản chứng.

D) Phép chứng minh loại trừ.

23. Tư tưởng "Có thương thì nói là thương. Không thương thì nói một đường cho xong" bị chi phối bởi quy luật gì? **B**

A) QL phi mâu thuẫn.
B) QL loại trừ cái thứ ba.
C) QL đồng nhất.
D) QL lý do đầy đủ.

24. Những quy luật nào làm cho tư duy mang tính hình thức? ***C***

A) QL đồng nhất.
B) QL phi mâu thuẫn và QL loại trừ cái thứ ba.
C) QL đồng nhất, QL phi mâu thuẫn và QL loại trừ cái thứ ba.
D) QL lý do đầy đủ, QL đồng nhất, QL phi mâu thuẫn và QL loại trừ cái thứ ba.

25. Quy luật đồng nhất đảm bảo cho tư duy có được tính chất gì? ***D***

A) Tính không bị xuyên tạc hay đánh tráo mệnh đề.
B) Không sa vào mâu thuẫn.
C) Sử dụng ngôn ngữ đầy hình tượng và chính xác.
D) Tính xác định chính xác, rõ ràng rành mạch.

26. Quy luật đồng nhất là quy luật cơ bản của môn học nào? **C**

A) Siêu hình học và khoa học lý thuyết.
B) Lôgích học biện chứng và lôgích học hình thức.
C) Lôgích học hình thức.
D) Nhận thức luận và siêu hình học.

27. Trong lôgích học, thuật ngữ "đồng nhất trừu tượng" được hiểu như thế nào? **C**

A) Sự bất biến của sự vật trong hiện thực.
B) Sự giống nhau hoàn toàn của tư tưởng về đối tượng với đối tượng tư tưởng .
C) Đồng nhất các phẩm chất xác định của đối tượng tư tưởng được phản ánh trong tư duy với bản thân đối tượng tư tưởng trong hiện thực.
D) A), B), C) đều đúng.

28. "Không được thay đổi đối tượng tư tưởng; tư tưởng lập lại phải giống tư tưởng ban đầu; ngôn ngữ diễn đạt tư tưởng phải chính xác" là yêu cầu của quy luật nào? **B**

A) QL lý do đầy đủ.
B) QL đồng nhất.
C) QL phi mâu thuẫn.
D) QL loại trừ cái thứ ba.

29. Cặp phán đoán "Người VN yêu nước" và "Vài người VN không yêu nước" bị chi phối trực tiếp bởi quy luật nào? **B**

A) QL phi mâu thuẫn.
B) QL loại trừ cái thứ ba.
C) QL loại trừ cái thứ ba và QL đồng nhất.
D) QL loại trừ cái thứ ba, QL đồng nhất và QL phi mâu thuẫn.

30. Cặp phán đoán "Người VN yêu nước" và "Người VN không yêu nước" bị chi phối trực tiếp bởi quy luật nào? **D**

A) QL phi mâu thuẫn.
B) QL loại trừ cái thứ ba.
C) QL loại trừ cái thứ ba và QL lý do đầy đủ.
D) QL trừ cái thứ ba và QL phi mâu thuẫn.

31. Cơ sở của phép chứng minh phản chứng là quy luật nào? ***D***

A) QL phi mâu thuẫn.
B) QL loại trừ cái thứ ba và QL đồng nhất.
C) QL loại trừ cái thứ ba và QL lý do đầy đủ.
D) QL loại trừ cái thứ ba và QL phi mâu thuẫn.

32. Quy luật loại trừ cái thứ ba và quy luật phi mâu thuẫn đảm bảo cho tư duy có được tính chất gì ? **D**

A) Tính xác định chính xác, rõ ràng rành mạch.
B) Tính có căn cứ, được luận chứng, xác minh, chứng minh.
C) Tính phi mâu thuẫn; tính có căn cứ, được luận chứng, xác minh, chứng minh.
D) Tính phi mâu thuẫn, liên tục, nhất quán.

33. Quy luật lý do đầy đủ đảm bảo cho tư duy có được tính chất gì? **B**

A) Tính xác định chính xác, tính rõ ràng rành mạch.
B) Tính có căn cứ, được luận chứng, xác minh.
C) Tính phi mâu thuẫn; tính có căn cứ, được luận chứng, xác minh.
D) Tính phi mâu thuẫn, liên tục, nhất quán; tính chính xác, rõ ràng.

34. Mâu thuẫn (MT) nào xuất hiện một cách chủ quan, thể hiện dưới dạng cặp phán đoán trái ngược nhau và làm bế tắt tiến trình tư duy? ***D***

A) MT biện chứng.
B) MT của nhận thức.
C) MT của tư duy.
D) MT lôgích.

35. Mâu thuẫn (MT) nào xuất hiện một cách khách quan, dưới dạng thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập, có vai trò là nguồn gốc, động lực của mọi sự vận động, phát triển diễn ra trong thế giới? **C**

A) MT xã hội.
B) MT tư duy.
C) MT tự nhiên.
D) Cả A), B) và C).

36. Sử dụng từ ngữ một cách mập mờ, để sau đó có thể giải thích cùng một từ theo các cách khác nhau là vi phạm yêu cầu của quy luật (QL) nào? ***A***

A) QL đồng nhất.
B) QL lý do đầy đủ.
C) QL không mâu thuẫn.
D) Không hề vi phạm các QL cơ bản của tư duy, tuy nhiên vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm.

37. Hình thức tư duy phản ánh những dấu hiệu bản chất của đối tượng tư tưởng được gọi là gì? **B**

A) Ý niệm.
B) Khái niệm.
C) Suy tưởng.
D) Phán đoán .

38. Lôgích học gọi toàn thể các dấu hiệu bản chất của đối tượng tư tưởng là gì? ***B***

A) Ngoại diên khái niệm.
B) Nội hàm khái niệm.
C) Bản chất của khái niệm.
D) Khái niệm.

39. Lôgích học gọi toàn thể các phần tử có cùng dấu hiệu bản chất hợp thành đối tượng tư tưởng là gì? **D**

A) Khái niệm.
B) Nội hàm khái niệm.
C) Bản chất của khái niệm.
D) A), B) và C) đều sai.

40. Khái niệm bao gồm những bộ phận nào? **C**

A) Từ và ý.
B) Âm (ký hiệu) và nghĩa.
C) Nội hàm và ngoại diên.
D) Tất cả các yếu tố của A), B) và C)

41. Nội hàm (NH) và ngoại diên (ND) của khái niệm có quan hệ gì? **B**

A) NH càng sâu thì ND càng rộng, NH càng cạn thì ND càng hẹp.
B) NH càng cạn thì ND càng rộng, NH càng sâu thì ND càng hẹp.
C) NH càng rộng thì ND càng sâu, NH càng hẹp thì ND càng sâu.
D) NH càng hẹp thì ND càng cạn, NH càng rộng thì ND càng sâu.

42. Cách phân chia khái niệm (KN) nào sau đây đúng? ***A ???***

A) KN thực và KN ảo.
B) KN chung và KN riêng.
C) KN riêng, KN vô hạn và KN hữu hạn.
D) A), B), C) đều đúng.

43. Khái niệm thực phản ánh điều gì? **D**

A) Dấu hiệu bản chất của đối tượng tư tưởng (ĐTTT).
B) Dấu hiệu chung của một lớp ĐTTT.
C) Dấu hiệu bản chất của một lớp ĐTTT.
D) A), B), C) đều đúng

44. Xét trong khái niệm "Con người", thì "Đàn ông" và "Đàn bà" là 2 khái niệm có quan hệ gì? **B**

A) QH mâu thuẫn.
B) QH đối chọi.

C) QH giao nhau.
D) QH đồng nhất.

45. "Con người" và "Sinh thể" là 2 khái niệm có quan hệ gì? **D**
A) QH giao nhau.
B) QH mâu thuẫn.
C) QH đồng nhất.
D) QH lệ thuộc.

46. Xác định quan hệ (QH) giữa 2 khái niệm, trong đó, nội hàm của chúng có dấu hiệu trái ngược nhau, còn ngoại diên của chúng chỉ là hai bộ phận khác nhau của ngoại diên một khái niệm thứ ba nào đó? C
A) QH mâu thuẫn.
B) QH đồng nhất.
C) QH đối chọi.
D) QH lệ thuộc.

47. Cặp khái niệm nào có quan hệ mâu thuẫn nhau? **C**
A) Đen - Trắng.
B) Đàn ông - Đàn bà.
C) Đỏ - Không đỏ.
D) A), B) và C) đều đúng.

48. Bổ sung để có một định nghĩa đúng: "Mở rộng khái niệm (KN) là thao tác lôgích . . .". **C**

A) đi từ KN hạng sang KN loại
B) đi từ KN riêng sang KN chung
C) đi từ KN có nội hàm (NH) sâu, ngoại diên (ND) hẹp sang KN có NH cạn, ND rộng
D) đi từ KN có NH cạn, ND rộng sang KN có NH sâu, ND hẹp

49. Bổ sung để có một định nghĩa đúng: "Thu hẹp khái niệm (KN) là thao tác lôgích . . .". **D**
A) Đi từ KN loại sang KN hạng.
B) Đi từ KN chung sang KN riêng.
C) Đi từ KN có nội hàm (NH) sâu, ngoại diên (N**D)** hẹp sang KN có NH cạn, ND rộng.
D) Đi từ KN có NH cạn ND rộng sang KN có NH sâu ND hẹp.

50. Mở rộng khái niệm (KN) có giới hạn cuối cùng là gì? **B**
A) KN đơn nhất.
B) Phạm trù.
C) KN vô hạn.
D) KN chung.

51. Thu hẹp khái niệm (KN) có giới hạn cuối cùng là gì? **D**
A) KN ảo.
B) Phạm trù.
C) KN cụ thể .
D) A), B) và C) đều sai.

52. Thao tác lôgích làm rõ nội hàm của khái niệm (KN) được gọi là gì? **C**

A) Mở rộng và thu hẹp KN.
B) Phân chia KN.
C) Định nghĩa KN.
D) Phân chia và định nghĩa KN.

53. Muốn định nghĩa khái niệm (KN) đúng, thì KN định nghĩa và KN dùng để định nghĩa phải có quan hệ gì? **C**
A) QH giao nhau.
B) QH lệ thuộc.
C) QH đồng nhất.
D) QH đồng nhất và lệ thuộc.

54. Định nghĩa khái niệm đúng khi nào? **B**
A) Cân đối, rõ ràng, liên tục, nhất quán.
B) Cân đối, chính xác, rõ ràng.
C) Không thừa, không thiếu, không luẩn quẩn, liên tục, nhất quán.
D) Không thừa, không thiếu, không luẩn quẩn, rõ ràng, nhất quán.

55. Định nghĩa khái niệm cân đối khi nào? **C**
A) Không luẩn quẩn, không mơ hồ, không phủ định.
B) Không rộng, không hẹp, không mơ hồ.
C) Không rộng, không hẹp.
D) A), B), C) đều đúng.

56. Định nghĩa khái niệm rõ ràng khi nào? ***A***

A) Không luẩn quẩn, không phủ định, không mơ hồ.
B) Không rộng, không hẹp, không mơ hồ.
C) Không rộng, không hẹp.
D) A), B), C) đều đúng.

57. Có thể định nghĩa "Con người là thước đo của vạn vật" được không? ***C***

A) Được, vì đề cao con người.
B) Không được, vì ý tưởng hay nhưng không chuẩn xác.
C) Không, vì không xác định rõ nội hàm khái niệm "con người".
D) Không, vì không thể coi con người là thước đo của vạn vật được.

58. Phân chia khái niệm (KN) là thao tác gì? **B**

A) Liệt kê các KN lệ thuộc trong KN được lệ thuộc.
B) Vạch ra các KN cấp hạng trong KN cấp loại được phân chia.
C) Làm rõ ngoại diên KN được phân chia.
D) Làm rõ nội hàm KN được phân chia.

59. Phân chia khái niệm cân đối khi nào? **C**

A) Nhất quán, không vượt cấp.
B) Không vượt cấp, các khái niệm thành phần loại trừ nhau.
C) Không thừa, không thiếu.
D) Không thừa, không thiếu, không vượt cấp, các khái niệm thành phần loại trừ nhau.

60. Phân chia khái niệm đúng khi nào? **D**

A) Cân đối và nhất quán.
B) Cân đối, ngắn gọn, rõ ràng.
C) Không thừa, không thiếu, nhất quán, liên tục.
D) Cân đối, nhất quán, các thành phần phân chia loại trừ nhau và liên tục.

61. Bổ sung để được một định nghĩa đúng: “Phân đôi khái niệm (KN) là phân chia KN ra thành 2 KN có quan hệ . . . nhau”. C

A) tương phản
B) tương đương
C) mâu thuẫn
D) Cả A) và C).

62. Chia “Thành phố” ra thành “Quận/Huyện”, “Phường/Xã”, ... là thao tác gì? **C**

A) Phân đôi.
B) Phân loại.
C) Phân tích.
D) A), B), C) đều sai.

63. Phân chia khái niệm (KN) theo sự biến đổi dấu hiệu là gì? **B**

A) Thao tác vạch ra ngoại diên của KN được phân chia.
B) Thao tác chia KN cấp loại ra thành các KN cấp hạng của nó.
C) Thao tác chia chỉnh thể ra thành các bộ phận của nó.
D) A), B) và C) đều đúng.

64. “X là một số nguyên tố” là gì? ***B***

A) Một mệnh đề.
B) Một câu.
C) Một phán đoán.
D) A), B), C) đều đúng.

65. “Có lẽ hôm nay sinh viên lớp ta đang thi môn Lôgích học” là phán đoán gì? ***D***

A) PĐ đặc tính.
B) PĐ thời gian.
C) PĐ tình thái.
D) Cả A), B) và C).

66. “Hầu hết sinh viên lớp ta đều dự thi môn Lôgích học” là phán đoán gì? **A**

A) PĐ bộ phận.
B) PĐ toàn thể.
C) PĐ toàn thể - khẳng định.
D) PĐ tình thái - khẳng định.

67. Hãy xác định chủ từ (S) và vị từ (P) của phán đoán: “Tôi biết rằng anh ta rất tốt”. ***B***

A) S = Tôi ; P = biết rằng anh ta rất tốt.

B) S = Tôi ; P = anh ta rất tốt.
C) S = Tôi biết rằng ; P = anh ta tốt.
D) S = Tôi ; P = anh ta.

68. "Đôi khi chuồn chuồn bay thấp mà trời không mưa" là phán đoán dạng nào? D

A) A.
B) I.
C) E.
D) O.

69. "Hầu hết người Việt Nam đều là người yêu nước" và "Không có chuyện mọi người Việt Nam đều là người yêu nước" là hai phán đoán có quan hệ gì? A

A) QH mâu thuẫn.
B) QH lệ thuộc.
C) QH tương phản trên.
D) QH tương phản dưới.

70. Hãy xác định tính chu diên của chủ từ (S) và vị từ (P) trong phán đoán "Sinh viên lớp ta học giỏi môn lôgích học". **B**

A) S_+ ; P_+
B) S_+ ; P**C)** S_- ; P_+
D) S_- ; P

71. Hãy xác định tính chu diên của chủ từ (S) và vị từ (P) trong phán đoán "Người cộng sản không là kẻ bóc lột". **A**

A) S_+ ; P_+
B) S_+ ; P**C)** S_- ; P_+
D) S_- ; P

72. Hãy xác định tính chu diên của chủ từ (S) và vị từ (P) trong phán đoán "Hầu hết người Việt Nam đều là người yêu nước". D

A) S_+ ; P_+
B) S_+ ; P**C)** S_- ; P_+
D) S_- ; P

73. Hãy xác định tính chu diên của chủ từ (S) và vị từ (P) trong phán đoán "Tam giác là hình có 3 cạnh". **A**

A) S_+ ; P_+
B) S_+ ; P**C)** S_- ; P_+
D) S_- ; P

74. Hãy xác định tính chu diên của chủ từ (S) và vị từ (P) trong phán đoán "Vài người tốt nghiệp trung học là sinh viên". C

A) S_+ ; P_+
B) S_+ ; P**C)** S_- ; P_+
D) S_- ; P

75. Dựa theo hình vuông lôgích, sơ đồ nào thể hiện quan hệ lệ thuộc? D

A) A → I ; ~I → A.
B) A → I ; I → ~A.
C) O → ~E ; E → O.
D) ~I → ~A ; E → O.

76. Dựa theo hình vuông lôgích, sơ đồ nào thể hiện quan hệ lệ thuộc? B

A) A → I ; I? → A.
B) A → I ; I → A?.
C) O → ~E ; E → O.
D) ~I → ~A ; E → O?.

77. Dựa theo hình vuông lôgích, sơ đồ nào thể hiện quan hệ mâu thuẫn? **B**

A) A ↔ O ; ~I ↔ ~E.
B) A ↔ ~O ; O ↔ ~A.
C) A ↔ ~E ; E ↔ ~A.
D) ~I ↔ E? ; ~O ↔ A?.

78. Dựa theo hình vuông lôgích, sơ đồ nào thể hiện quan hệ tương phản trên? **C**

A) A → E ; ~E → ~A.
B) A ↔ ~E ; E ↔ ~A.
C) A → ~E ; ~E → A?.
D) ~A → E ; ~E → A?.

79. Dựa theo hình vuông lôgích, sơ đồ nào thể hiện quan hệ tương phản dưới? **D**

A) O → I ; ~I → ~O.

B) I ↔ ~O ; O ↔ ~I.
C) I → O? ; ~I → O?.
D) ~I → O ; O → I?.

80. Dựa theo hình vuông lôgích, sơ đồ nào thể hiện quan hệ mâu thuẫn? **B**
A) A → O ; ~I → ~E.
B) A ↔ ~O ; O → ~A.
C) A → ~E ; O ↔ ~A.
D) ~I ↔ E? ; ~O ↔ A?.

81. Dựa theo hình vuông lôgích, sơ đồ nào thể hiện quan hệ tương phản trên? **D**
A) A? → E ; ~E → A.
B) A ↔ ~E ; E ↔ ~A.
C) A → E ; ~E → A?.
D) ~A → E? ; ~E → A?.

82. Dựa theo hình vuông lôgích, sơ đồ nào thể hiện quan hệ tương phản dưới? **A**
A) O → I? ; ~I → O.
B) I ↔ ~O ; O ↔ ~I.
C) I → O? ; ~I → ~O.
D) ~I → O? ; O → I?.

83. Xét về cấu trúc của khái niệm, mệnh đề nào sau đây sai? ***B***
A) Đồng nhất về nội hàm thì cũng đồng nhất về ngoại diên.
B) Đồng nhất về ngoại diên thì cũng đồng nhất về nội hàm.
C) Một khái niệm có thể có nhiều nội hàm khác nhau.
D) Khái niệm bao gồm nội hàm và ngoại diên, còn từ bao gồm ký (tín) hiệu và nghĩa.

84. Mệnh đề nào sau đây đúng? **D**
A) Điều kiện cần và đủ để PĐLK sai là các PĐTP cùng sai.
B) Muốn PĐLK đúng chỉ cần một PĐTP đúng là đủ.
C) PĐLK sai khi và chỉ khi các PĐTP cùng sai.
D) Phán đoán liên kết (PĐLK) đúng khi các phán đoán thành phần (PĐTP) đều cùng đúng.

85. Mệnh đề nào sau đây đúng? ***A***
A) Điều kiện cần và đủ để PĐLCLH sai là các PĐTP cùng sai.
B) PĐLCLH đúng khi và chỉ khi có một PĐTP đúng.
C) PĐLCLH sai khi và chỉ khi các PĐTP cùng đúng.
D) Phán đoán lựa chọn liên hợp (PĐLCLH) đúng khi các phán đoán thành phần (PĐTP) cùng đúng.

86. Mệnh đề nào sau đây đúng? **B**
A) Điều kiện cần và đủ để PĐLCGB sai là các PĐTP cùng sai.
B) PĐLCGB đúng khi và chỉ khi có một PĐTP đúng.
C) PĐLCGB sai khi và chỉ khi các PĐTP cùng sai.
D) Phán đoán lựa chọn gạt bỏ (PĐLCGB) đúng khi các phán đoán thành phần (PĐTP) cùng đúng.

87. Mệnh đề nào sau đây đúng? ***B***
A) Phán đoán kéo theo (PĐKT) sai khi và chỉ khi hậu từ sai.
B) PĐKT sai khi tiền từ đúng và hậu từ sai.
C) Muốn PĐKT đúng thì tiền từ phải đúng và hậu từ phải sai
D) PĐKT đúng khi và chỉ khi tiền từ và hậu từ có cùng giá trị lôgích.

88. "Lý luận và thực hành phải đi đôi với nhau" là phán đoán gì? ***D***
A) PĐ liên kết.
B) PĐ lựa chọn.
C) PĐ kéo theo.
D) A), B) và C) đều sai.

89. "Hai đường thẳng đồng phẳng song song với nhau thì chúng không cắt nhau" là phán đoán gì? **C**
A) PĐ liên kết.
B) PĐ kéo theo.
C) PĐ kéo theo kép.
D) PĐ lựa chọn gạt bỏ.

90. Nếu phán đoán P → Q đúng thì mệnh đề nào sau đây cũng đúng? **D**
A) P là điều kiện cần của Q.
B) Q là điều kiện đủ của P.
C) P là điều kiện cần và đủ của Q.

D) P là điều kiện đủ của Q.

91. Nếu phán đoán ~P → ~Q đúng thì mệnh đề nào sau đây cũng đúng? ***A***

A) P là điều kiện cần của Q.
B) Q là điều kiện cần của P.
C) P là điều kiện cần và đủ của Q.
D) P là điều kiện đủ của Q.

92. Nếu phán đoán P ↔ Q đúng thì mệnh đề nào sau đây cũng đúng? **A**

A) P, Q là điều kiện cần và đủ của nhau.
B) P là điều kiện đủ của Q.
C) P là điều kiện cần của Q.
D) Q là điều kiện cần của P.

93. Tìm phán đoán tương đương lôgích với: ~a → b. ***D***
A) ~b → ~a.
B) a → ~b.
C) ~a → ~b.
D) ~b → a.

94. Tìm phán đoán tương đương lôgích với: a → ~b. ***A***
A) ~[a ∧ b].
B) ~a ∧ ~b.
C) ~[~a ∧ ~b].
D) a ∨ b.

95. Tìm phán đoán nào tương đương lôgích với: ~a → b. ***D***
A) ~a ∨ b.
B) ~a ∧ b.
C) a ∧ b.
D) a ∨ b.

96. Loại suy luận hợp lôgích nào đảm bảo chắc chắn kết luận xác thực nếu có các tiền đề xác thực? **A**

A) Suy luận diễn dịch.
B) Suy luận quy nạp.
C) Suy luận tương tự.
D) Cả A), B) và C).

97. Từ phán đoán "Một số sinh viên học giỏi lôgích học", bằng phép đổi chất kết luận được rút ra là gì?
A) Số sinh viên còn lại học không giỏi lôgích học.
B) Một số người học giỏi lôgích học là sinh viên.
C) Không phải mọi sinh viên đều không phải là người không học giỏi lôgích.
D) Không thực hiện phép đổi chất được.

98. Thao tác lôgích đi từ một hay vài tiền đề có quan hệ lôgích với nhau để rút ra một kết luận được gọi là gì? **C**
A) Diễn dịch trực tiếp.
B) Quy nạp hoàn toàn.
C) Suy luận.
D) Suy luận gián tiếp.

99. Thao tác lôgích đi từ 1 tiền đề để rút ra 1 kết luận được gọi là gì? ***A***

A) Diễn dịch trực tiếp.
B) Suy luận gián tiếp.
C) Quy nạp khoa học.
D) A), B), C) đều sai.

100. Thao tác lôgích đi từ 2 tiền đề có quan hệ lôgích với nhau để rút ra một phán đoán mới làm kết luận được gọi là gì? D
A) Diễn dịch trực tiếp.
B) Quy nạp hoàn toàn.
C) Suy luận gián tiếp.
D) A), B), C) đều sai.

101. Các yếu tố lôgích của suy luận là gì? D
A) Đại tiền đề, tiểu tiền đề và kết luận.
B) Tiền từ, hậu từ và liên từ lôgích.
C) Chủ từ, vị từ, hệ từ và lượng từ.
D) Tiền đề, kết luận và cơ sở lôgích.

102. Thế nào là suy luận hợp lôgích? ***A***

A) SL tuân thủ mọi quy tắc lôgích hình thức.
B) SL từ tiền đề đúng và tuân thủ mọi quy tắc lôgích.
C) SL luôn đưa đến kết luận xác thực.
D) SL có lý nhưng luôn đưa đến kết luận sai lầm.

103. Thế nào là suy luận đúng? ***C***

A) Suy luận hợp lôgích.
B) Suy luận đưa đến kết luận đúng.
C) Suy luận hợp lôgích và xuất phát từ mọi tiền đề đều xác thực.
D) A), B), C) đều đúng.

104. Thao tác lôgích đi từ tiền đề là 1 phán đoán dạng A, E, I, O để rút ra kết luận cũng là 1 phán đoán dạng trên cùng chất, nhưng có vị từ và chủ từ đổi chỗ cho nhau được gọi là gì? ***C***

A) Diễn dịch trực tiếp.
B) Phép đổi chất.
C) Phép đổi chỗ.
D) Suy luận theo hình vuông lôgích.

105. Theo phép đổi chỗ, nếu tiền đề là A thì kết luận hợp lôgích là gì? ***D***

A) A.
B) I.
C) E.
D) A hay I.

106. Theo phép đổi chỗ, nếu tiền đề là I thì kết luận hợp lôgích là gì? **D**

A) A.
B) I hay A.
C) E.
D) I.

107. Theo phép đổi chỗ, nếu tiền đề là E thì kết luận hợp lôgích là gì? **C**

A) A.
B) I.
C) E hay O.
D) A hay I.

108. Theo phép đổi chỗ, nếu tiền đề là O thì kết luận hợp lôgích là gì? D

A) A hay I.
B) I.
C) E hay O.
D) Cả A), B) và C) đều sai.

109. Thao tác lôgích đi từ tiền đề là 1 phán đoán dạng A, E, I, O để rút ra kết luận cũng là 1 phán đoán dạng trên cùng lượng cùng chủ từ, nhưng khác chất và có vị từ là khái niệm mâu thuẫn với khái niệm đóng vai trò vị từ của tiền đề được gọi là gì? ***B***

A) Diễn dịch trực tiếp.
B) Phép đổi chất.
C) Phép đổi chỗ.
D) Suy luận theo hình vuông lôgích.

110. Nếu tiền đề là A, dựa theo phép đổi chất, kết luận hợp lôgích là gì? ***C***

A) A.
B) I.
C) E hay O.
D) A hay I.

111. Nếu tiền đề là I, dựa theo phép đổi chất, kết luận hợp lôgích là gì? ***B***

A) A.
B) O.
C) E.
D) E hay I.

112. Nếu tiền đề là E, dựa theo phép đổi chất, kết luận hợp lôgích là gì? **D**

A) A.
B) I.

C) E.
D) A hay I.

113. Nếu tiền đề là O, dựa theo phép đổi chất, kết luận hợp lôgích là gì? ***B***

A) A.
B) I.
C) E.
D) A hay I.

114. Thao tác lôgích đi từ tiền đề là 1 phán đoán dạng A, E, I, O để rút ra kết luận cũng là 1 phán đoán dạng trên, khác chất, có chủ từ là khái niệm mâu thuẫn với khái niệm đóng vai trò vị từ của tiền đề và vị từ là khái niệm đóng vai trò chủ từ của tiền đề được gọi là gì? **D**

A) Diễn dịch trực tiếp.
B) Phép đổi chất.
C) Phép đổi chỗ.
D) Phép đổi chất và đổi chỗ.

115. Nếu tiền đề là A, dựa theo phép đổi chất và đổi chỗ, kết luận hợp lôgích là gì? ***C***

A) A.
B) I.
C) E hay O.
D) A hay I.

116. Nếu tiền đề là I, dựa theo phép đổi chất và đổi chỗ, kết luận hợp lôgích là gì? ***d***

A) A.
B) O.
C) E.
D) A), B), C) đều sai.

117. Nếu tiền đề là E, dựa theo phép đổi chất và đổi chỗ, kết luận hợp lôgích là gì? **b**

A) A.
B) I.
C) E.
D) A hay I.

118. Nếu tiền đề là O, dựa theo phép đổi chất và đổi chỗ, kết luận hợp lôgích là gì? **b**
A) A.
B) I.
C) E.
D) Không thực hiện được.

119. Dựa theo quan hệ gì của hình vuông lôgích ta có sơ đồ suy luận: A → ~E ; E → ~A ? **b**

A) Mâu thuẫn.
B) Tương phản trên.
C) Tương phản dưới.
D) Lệ thuộc.

120. Dựa theo quan hệ gì của hình vuông lôgích ta có sơ đồ suy luận: ~O → I ; ~I → O ? ***C***

A) Mâu thuẫn.
B) Tương phản trên.
C) Tương phản dưới.
D) Lệ thuộc.

121. Dựa theo quan hệ gì của hình vuông lôgích ta có sơ đồ suy luận: A ↔ ~O ; E ↔ ~ I ? **A**

A) Mâu thuẫn.
B) Tương phản trên.
C) Tương phản dưới.
D) Lệ thuộc.

122. Dựa theo quan hệ gì của hình vuông lôgích ta có sơ đồ suy luận: A → I ; ~O → ~E ? **D**

A) Mâu thuẫn.
B) Tương phản trên.
C) Tương phản dưới.
D) Lệ thuộc.

123. Từ tiền đề "Có những sinh viên nghiên cứu khoa học rất giỏi", bằng phép đổi chỗ, kết luận hợp lôgích được rút ra là gì? D

A) Có những sinh viên không biết nghiên cứu khoa học.
B) Có những sinh viên nghiên cứu khoa học rất dở.
C) Không phải tất cả sinh viên đều nghiên cứu khoa học dở.
D) Có những người nghiên cứu khoa học rất giỏi là sinh viên.

124. Từ tiền đề "Có loài côn trùng không có hại", bằng phép đổi chỗ, kết luận hợp lôgích được rút ra là gì? D

A) Một số loài không có hại là côn trùng.
B) Những loài côn trùng khác có hại.
C) Không phải tất cả các loài côn trùng đều có hại.
D) Không thực hiện được.

125. Phán đoán nào tương đương với phán đoán "Nếu ông ấy không tham ô thì ông ấy không bị cách chức và cũng không bị truy tố"? A

A) Nếu ông ấy bị truy tố hay bị cách chức thì ông ấy đã tham ô.
B) Nếu ông ấy tham ô thì ông ấy bị cách chức và bị truy tố.
C) Nếu ông ấy tham ô thì ông ấy bị cách chức hay bị truy tố.
D) Vẫn có chuyện ông ấy tham ô mà không bị cách chức.

126. Điều kiện đủ để xây dựng được một suy luận diễn dịch trực tiếp hợp lôgích là gì? C

A) Tiền đề và kết luận phải là 2 PĐ có chủ từ và vị từ giống nhau.
B) Tiền đề và kết luận phải là 2 PĐ có quan hệ đồng nhất nhau.
C) Tiền đề và kết luận phải là 2 PĐ có các thành phần giống nhau.
D) Kết luận phải là PĐ lệ thuộc vào PĐ tiền đề.

127. Kiểu suy luận nào đúng? C

A) $[a \to \sim b] \Rightarrow [\sim b \to a]$.
B) $[\sim a \to b] \Rightarrow [\sim b \to \sim a]$.
C) $[\sim b \to a] \Rightarrow [\sim a \to b]$.
D) $[a \to b] \Rightarrow [\sim b \to a]$.

128. Kiểu suy luận nào đúng? D

A) $[a \to \sim b] \Rightarrow [\sim a \wedge \sim b]$.
B) $[\sim a \to b] \Rightarrow [b \to a]$.
C) $[\sim a \to b] \Rightarrow [\sim a \to \sim b]$.
D) $[a \to \sim b] \Rightarrow \sim\{a \wedge b\}$.

129. Kiểu suy luận nào đúng? D

A) $[a \to \sim b] \Rightarrow [\sim b \to a]$.
B) $[\sim a \to b] \Rightarrow [b \to a]$.
C) $[a \to b] \Rightarrow [\sim a \to \sim b]$.
D) $[a \to b] \Rightarrow [\sim a \vee b]$.

130. Kiểu suy luận nào đúng? **B**

A) $[a \underline{\vee} \sim b] \Rightarrow [\sim b \wedge a]$.
B) $[\sim a \vee b] \Rightarrow \sim[\sim b \wedge a]$.
C) $[a \underline{\vee} b] \Rightarrow [\sim a \wedge \sim b]$.
D) $[a \vee b] \Rightarrow [\sim a \wedge \sim b]$.

131. Trong suy luận diễn dịch hợp lôgích, nếu khái niệm được chu diên ở tiền đề thì ở kết luận nó có chu diên không? **C**

A) Chu diên.
B) Không chu diên.
C) Có thể chu diên nhưng cũng có thể không chu diên.
D) A), B), C) đều sai.

132. Trong tam đoạn luận đơn hợp lôgích, trung từ phải thế nào? **D**

A) Có mặt trong cả 2 tiền đề.
B) Chu diên ít nhất 1 lần.
C) Không xuất hiện ở kết luận.
D) A), B), C) đều đúng.

133. Trong tam đoạn luận đơn, nếu cả 2 tiền đề là E hay O thì kết luận hợp lôgích là gì? D

A) A hay I.
B) E hay O.
C) A hay E.
D) A), B), C) đều sai.

134. Trong tam đoạn luận đơn, nếu cả 2 tiền đề là A hay I thì kết luận hợp lôgích là gì? A

A) A hay I.
B) E hay O.
C) A hay E.
D) I hay O.

135. Trong tam đoạn luận đơn, nếu có 1 tiền đề là I hay O thì kết luận hợp lôgích là gì? ***D***

A) A hay I.
B) E hay O.
C) A hay E.
D) O hay I.

136. Trong tam đoạn luận đơn, nếu có 1 tiền đề là E hay O thì kết luận hợp lôgích là gì? ***B***

A) A hay I.
B) E hay O.
C) A hay E.
D) O hay I.

137. Trong tam đoạn luận đơn, nếu 2 tiền đề là I hay O thì kết luận hợp lôgích là gì? ***D***

A) A hay I.
B) E hay O.
C) A hay E.
D) Không kết luận được.

138. Trong tam đoạn luận đơn, nếu cả 2 tiền đề là A hay E thì kết luận hợp lôgích là gì? ***D***

A) A hay I
B) E hay O
C) A hay E
D) A, E, I hay O.

139. Trong tam đoạn luận đơn, những cặp tiền đề nào không vi phạm quy tắc chung? ***C***

A) AA, AE, AI, AO, EA, EO, IA, IE, OA.
B) AA, AE, AI, AO, EA, IA, IE, OA, II.
C) AA, AE, AI, AO, EA, EI, IA, IE, OA.
D) AA, EE, AE, AI, AO, EA, IA, IE,OA.

140. Quy tắc riêng của tam đoạn luận hình 1 là gì? **A**

A) Đại tiền đề là A hay E; tiểu tiền đề là A hay I.
B) Đại tiền đề là A hay E; tiểu tiền đề là E hay O.
C) Đại tiền đề là A hay E; có 1 tiền đề là A hay I.
D) Đại tiền đề là A hay E; có tiền đề là O hay E.

141. Quy tắc riêng của tam đoạn luận hình 2 là gì? **B**

A) Đại tiền đề là A hay E; tiểu tiền đề là A hay I.
B) Đại tiền đề là A hay E; có tiền đề là O hay E.
C) Đại tiền đề là A hay E; có 1 tiền đề là A hay I.
D) Đại tiền đề là A hay E; tiểu tiền đề là E hay O.

142. Quy tắc riêng của tam đoạn luận hình 3 là gì? **C**

A) Đại tiền đề là A hay E; tiểu tiền đề là A hay I.
B) Đại tiền đề là A hay E; tiểu tiền đề là E hay O.
C) Tiểu tiền đề là A hay I; kết luận là O hay I.
D) Đại tiền đề là A hay E; có 1 tiền đề là A hay I.

143. Xác định các kiểu đúng của tam đoạn luận hình 1. ***C***

A) EAE, AEE, EIO, AOO.
B) AAI, AEE, IAI, EAO.
C) AAA, EAE, AII, EIO.
D) AAA, EAE, AEE, EIO.

144. Xác định các kiểu đúng của tam đoạn luận hình 2. **A**

A) EAE, AEE, EIO, AOO.
B) AAI, AEE, IAI, EAO.
C) AAA, EAE, AII, EIO.
D) AAA, EAE, AEE, EIO.

145. Xác định các kiểu đúng của tam đoạn luận hình 3. **D**

A) EAE, AEE, EIO, AOO.
B) AAI, AII, EAO, EIO, AOO, OAO.
C) AAA, EAE, AII, EIO.
D) AAI, AII, EAO, IAI, OAO, EIO.

146. "Đàn ông thống trị thế giới; đàn bà thống trị đàn ông; vì vậy, đàn bà thống trị thế giới" là suy luận gì? **D**
A) Tam đoạn luận hình 1, kiểu AAA.
B) Tam đoạn luận kéo theo, hình thức khẳng định.
C) Tam đoạn luận hình 1, kiểu III.
D) A), B), C) đều sai.

147. "Ăn mặn thì khát nước; Khát nước thì uống nhiều nước; Uống nhiều nước thì đã khát; Vậy, ăn mặn thì đã khát". Đây là suy luận gì? Có hợp lôgích không? ***b***
A) Suy luận bắc cầu, không hợp lôgích.
B) Suy luận đa đề, không hợp lôgích.
C) Tam đoạn luận phức, kiểu kéo theo thuần túy, dạng tĩnh lược, hợp lôgích.

148. "Một số loài thú sống dưới nước; Cá voi sống dưới nước; Vậy, cá voi là loài thú". Tam đoạn luận đơn này đúng hay sai, vì sao? ***A***
A) Sai, vì trung từ không chu diên trong cả hai tiền đề.
B) Đúng, vì các tiền đề và kết luận đều đúng.
C) Sai, vì cả hai tiền đề đều là phán đoán bộ phận.
D) Sai, vì đại từ không chu diên trong tiền đề nhưng chu diên trong kết luận.

149. Kiểu EIO đúng hay sai, tại sao? Biết rằng, tam đoạn luận đơn này có trung từ là chủ từ trong cả hai tiền đề? ***C***
A) Sai, vì cả hai tiền đề đều là phán đoán bộ phận.
B) Sai, vì trung từ không chu diên trong cả hai tiền đề.
C) Đúng, vì tuân theo tất cả các quy tắc tam đoạn luận đơn.
D) Sai, vì tiểu từ không chu diên trong tiền đề, nhưng chu diên trong kết luận.

150. Kiểu AIO đúng hay sai, tại sao? Biết rằng, tam đoạn luận đơn này có trung từ là chủ từ trong đại tiền đề và là vị từ trong tiểu tiền đề? ***D***
A) Sai, vì trung từ không chu diên trong cả hai tiền đề.
B) Sai, vì đại từ không chu diên ở tiền đề nhưng lại chu diên ở kết luận.
C) Sai, vì cả 2 tiền đề đều là phán đoán khẳng định mà kết luận là phán đoán phủ định.
D) B) và C) đều đúng

151. Kiểu EIO đúng hay sai, vì sao? Biết rằng, tam đoạn luận đơn này có trung từ là chủ từ trong tiểu tiền đề và là vị từ trong đại tiền đề? ***C***
A) Sai, vì cả hai tiền đề đều là phán đoán bộ phận.
B) Sai, vì trung từ không chu diên trong cả hai tiền đề.
C) Đúng, vì tuân theo tất cả các quy tắc tam đoạn luận đơn.
D) Sai, vì tiểu từ không chu diên trong tiền đề, nhưng chu diên trong kết luận.

152. Kiểu AOI đúng hay sai tại sao; Biết rằng tam đoạn luận đơn này có trung từ là chủ từ trong tiểu tiền đề và là vị từ trong đại tiền đề? ***C***
A) Sai, vì trung từ không chu diên trong cả hai tiền đề.
B) Đúng, vì tuân theo tất cả các quy tắc tam đoạn luận.
C) Sai, vì tiểu từ chu diên trong tiền đề, nhưng không chu diên trong kết luận.
D) Sai, vì cả hai tiền đề đều là phán đoán bộ phận.

153. "Chào mào thích ăn hạt kê; bởi vì chào mào là một loài chim; mà mọi loài chim đều thích ăn hạt kê". Tam đoạn luận này đúng hay sai, tại sao? ***b***
A) Đúng, vì các tiền đề và kết luận đều đúng;
B) Đúng, vì tuân thủ tất cả các quy tắc của tam đoạn luận đơn;
C) Sai, vì không phải loài chim nào cũng thích ăn hạt kê;
D) Sai, vì cả hai tiền đề đều là phán đoán khẳng định.

154. "Đa số hạt cơ bản được tạo thành từ ba hạt quark; Proton là hạt cơ bản; Vậy, Proton được tạo thành từ ba hạt quark". Tam đoạn luận đơn này đúng hay sai, tại sao? ***a***
A) Sai, vì trung từ không chu diên trong cả hai tiền đề;
B) Đúng, vì tuân thủ tất cả các quy tắc của tam đoạn luận đơn;
C) Sai, vì cả hai tiền đề đều là phán đoán bộ phận;
D) Sai, vì đại từ không chu diên trong tiền đề nhưng chu diên trong kết luận.

155. Kiểu tam đoạn luận đơn AAI, thuộc hình 2 đúng hay sai, vì sao? ***A***

A) Sai, tiểu từ và đại từ chu diên trong tiền đề mà không chu diên trong kết luận.
B) Sai, vì trung từ không chu diên trong cả hai tiền đề.
C) Sai, hai tiền đề là toàn thể mà kết luận lại là phán đoán bộ phận.
D) Đúng, vì thoả mãn tất cả các quy tắc chung của tam đoạn luận đơn.

156. Kiểu tam đoạn luận đơn OAO, thuộc hình 4 đúng hay sai, vì sao? ***A***
A) Sai, vì đại từ không chu diên trong tiền đề mà chu diên trong kết luận.
B) Đúng, vì thoả mãn tất cả các quy tắc chung của tam đoạn luận đơn.
C) Sai, vì trung từ không chu diên trong cả hai tiền đề.
D) Sai, tiểu từ không chu diên trong tiền đề mà chu diên trong kết luận.

157. Khi nào hai phán đoán có quan hệ mâu thuẫn với nhau? ***A***
A) Khi chúng không cùng đúng cùng sai.
B) Khi chúng có cùng thuật ngữ, không cùng đúng cùng sai.
C) Khi chúng không cùng đúng nhưng có thể cùng sai.
D) Khi chúng có cùng thuật ngữ hay phán đoán thành phần, không cùng đúng cùng sai.

158. Điều kiện cần và đủ để hai phán đoán đơn có quan hệ mâu thuẫn nhau là gì? **C**
A) Khác nhau về chất.
B) Khác nhau về lượng.
C) Khác nhau cả về chất lẫn về lượng.
D) Khác nhau cả về chất, lượng lẫn chủ từ, vị từ.

159. Mâu thuẫn lôgích xuất hiện trong tư duy là do sự kết hợp hai tư tưởng có quan hệ gì lại với nhau? **A**
A) Trái ngược (tương phản).
B) Mâu thuẫn (tương khắc).
C) Lệ thuộc (bao hàm).
D) Đồng nhất (tương đương).

160. Mệnh đề nào đã bị lược bỏ trong kiểu tam đoạn luận hợp lôgích: M.a P.; S.a P.? ***C***
A) M.i S **B)** M.o S.
C) S.a M **D)** S.i M

161. Mệnh đề nào đã bị lược bỏ trong kiểu tam đoạn luận hợp lôgích: M.a P.; M.a S.? ***D***
A) S.e P.
B) S.o P.
C) S.a P **D)** S.i P

162. Mệnh đề nào đã bị lược bỏ trong kiểu tam đoạn luận hợp lôgích: P.a M.; S.e M.? ***A***
A) S.e P.
B) S.o P.
C) S.a P **D)** S.i P

163. Mệnh đề nào đã bị lược bỏ trong kiểu tam đoạn luận hợp lôgích: P.a M.; S.i P.? **A**
A) M.a S **B)** S.i M **C)** S.a M **D)** M.i S

164. Suy luận: "Sinh viên kinh tế nào tốt nghiệp loại giỏi cũng dễ kiếm việc làm. Có một số sinh viên kinh tế không tốt nghiệp loại giỏi. Như vậy có một số sinh viên kinh tế không dễ tìm việc làm" có phải là tam đoạn luận đơn (nhất quyết) không, nếu phải thì nó đúng hay sai, tại sao? ***A***
A) Không phải là tam đoạn luận đơn (nhất quyết);
B) Sai, vì cả hai tiền đề đều là phán đoán bộ phận;
C) Sai, vì đại tư không chu diên trong tiền đề, mà chu diên trong kết luận;
D) Đúng, vì tuân thủ các quy tắc của tam đoạn luận đơn.

165. Có bao nhiêu mệnh đề có quan hệ mâu thuẫn với 1 mệnh đề cho trước? **A**
A) Một mệnh đề.
B) Hai mệnh đề.
C) Rất nhiều nhưng không vô số mệnh đề.
D) Vô số mệnh đề.

166. Có bao nhiêu mệnh đề có quan hệ tương phản với 1 mệnh đề cho trước? **C**
A) Một mệnh đề.
B) Hai mệnh đề.
C) Nhiều mệnh đề.
D) Vô số mệnh đề.

167. Sơ đồ suy luận nào đúng? ***A***
A) $[(a \veebar b) \wedge a] \Rightarrow \sim b$.
B) $[(a \veebar b) \wedge a] \Rightarrow b$.

C) [(a ⊻ b) ∧ ~a] ⇒ ~b.
D) [(a ⊻ b) ∧ ~a] ⇒ a.

168. Sơ đồ suy luận nào sai? **C**
A) [(a ∨ b) ∧ ~a] ⇒ b.
B) [(a ⊻ b) ∧ ~a] ⇒ b.
C) [(a ∨ b) ∧ a] ⇒ ~b.
D) [(a ⊻ b) ∧ ~b] ⇒ a.

169. Sơ đồ suy luận nào sai? ***D***
A) [(a → b) ∧ ~b] ⇒ ~a.
B) [(a → ~b) ∧ a] ⇒ ~b.
C) [(~a → b) ∧ ~b] ⇒ a.
D) [(~a → ~b) ∧ b] ⇒ ~a.

170. Sơ đồ suy luận nào đúng? **C**
A) [(a → b) ∧ ~a] ⇒ ~b.
B) [(a → b) ∧ b] ⇒ a.
C) [(a → b) ∧ ~b] ⇒ ~a.
D) A), B), C) đều đúng.

171. "Khi đột nhập vào nhà nạn nhân, bị cáo tuyên bố với nạn nhân rằng, bị cáo sẽ giết nạn nhân nếu nạn nhân không đưa tiền cho bị cáo. Điều này được bị cáo xác nhận là có. Bên cạnh đó cơ quan điều tra cũng đã có kết luận rằng, ngay sau lời tuyên bố của bị cáo, nạn nhân đã đưa tiền cho bị cáo. Vậy suy ra rằng, bị cáo đã không giết nạn nhân". Suy luận này đúng hay sai; viết sơ đồ suy luận? ***A***
A) Sai; [(~p → r) ∧ p] → ~r.
B) Đúng; [(~p → r) ∧ p] → ~r.
C) Đúng; [(p → ~r) ∧ p] → ~r.
D) Sai; [(p → ~r) ∧ p] → ~r.

172. Cho suy luận: "Nếu Q uống quá nhiều rượu thì anh ấy say xỉn. Q không say xỉn. Vậy có nghĩa là anh ấy không uống, hoặc chỉ uống ít rượu". Suy luận này đúng hay sai; viết sơ đồ suy luận? ***C***
A) Đúng; ((p → q) ∧ p) → q.
B) Đúng; ((p → q) ∧ ~p) → ~q.
C) Đúng; ((p → q) ∧ ~q) → ~p.
D) Sai; ((p → q) ∧ ~ q) → (r ∨ s).

173. "Nếu trời mưa mà ta không mặc áo mưa thì đi đường sẽ bị ướt; Vì vậy, nếu trời không mưa hoặc ta có mặc áo mưa thì đi đường sẽ không bị ướt". Suy luận này đúng hay sai; viết sơ đồ suy luận? **B**
A) Đúng; [(p ∧ q) → r] → [(~p ∨ ~q) → ~r].
B) Sai; [(p ∧ q) → r] → [(~p ∨ ~q) → ~r].
C) Đúng; [(p ∧ ~q) → r] → [(~p ∨ q) → ~r].
D) Sai; [(p ∧ q) → r] → [~(p ∧ q) → r].

174. Sơ đồ suy luận nào đúng? **B**
A) {[(a → b) ∧ (c → d)] ∧ (b ∨ d)} ⇒ (a ∨ c).
B) {[(a → ~b) ∧ (c → ~d)] ∧ (b ∨ d)} ⇒ ~(a ∧ c).
C) {[(a → b) ∧ (c → d)] ∧ (~b ∨ ~d)} ⇒ (a ∨ c).
D) {[(a → b) ∧ (c → d)] ∧ (~b ∨ ~d)} ⇒ ~(a ∨ c).

175. Sơ đồ suy luận nào đúng? **C**
A) {[(a → b) ∧ (a → d)] ∧ (b ∨ d)} ⇒ a.
B) {[(a → ~b) ∧ (c → ~b)] ∧ ~b} ⇒ (a ∨ c).
C) {[(a → b) ∧ (a → d)] ∧ (~b ∨ ~d)} ⇒ ~a.
D) {[(a → b) ∧ (a → d)] ∧ (~b ∨ ~d)} ⇒ a.

176. Thế nào là suy luận quy nạp? **A**
A) SL từ tiền đề chứa tri thức riêng rút ra kết luận chứa tri thức bao quát mọi tri thức riêng đó.
B) SL đem lại tri thức tổng quát và gần đúng.
C) SL dựa trên mối liên hệ nhân quả để rút ra kết luận.
D) SL đi từ những quy luật, khái niệm tổng quát rút ra hệ quả tất yếu của chúng.

177. Cách phân loại quy nạp nào đúng? ***C***
A) QN hình thức, QN phóng đại và QN khoa học.
B) QN thông thường và QN toán học.
C) QN hoàn toàn và QN không hoàn toàn.
D) A), B), C) đều đúng.

178. "Sắt, đồng, chì dẫn điện; Sắt, đồng, chì, v.v. là kim loại; vậy, mọi kim loại đều dẫn điện" là suy luận gì? **D**

A) Tam đoạn luận đơn hình 3, hợp lôgích.
B) Quy nạp hình thức.
C) Loại suy tính chất.
D) A), B), C) đều sai.

179. Kết luận của quy nạp hoàn toàn có tính chất gì? **B**

A) Bao quát, phong phú.
B) Chắc chắn, bao quát, không mới lạ.
C) Chắc chắn, ngắn gọn, phong phú.
D) Không tin cậy, ngắn gọn, sâu sắc.

180. Quy nạp khoa học có đặc điểm gì? **D**

A) Được sử dụng trong khoa học để nghiên cứu mọi mối liên hệ nhân quả.
B) Không cần khảo sát nhiều trường hợp mà kết luận được rút ra luôn đúng.
C) Dựa trên mối liên hệ nhân quả để rút ra kết luận có độ tin cậy cao.
D) Chỉ dùng trong khoa học thực nghiệm, từ các sự kiện quan sát rút ra mọi định luật chung.

181. Bổ sung để được một câu đúng: "Phương pháp (PP) tương đồng, PP khác biệt, PP đồng thay đổi và PP phần dư do . . .". **C**

A) F.Bacon xây dựng dành cho khoa học thực nghiệm.
B) R.Descartes xây dựng dành cho khoa học lý thuyết.
C) S.Mill xây dựng dành cho khoa học thực nghiệm.
D) Descartes và Bacon xây dựng để phát triển khoa học thời cận đại nhằm thay thế PP kinh viện giáo điều.

182. "Trường hợp 1, gồm các sự kiện a, b, c có hiện tượng A xuất hiện; Trường hợp 2, gồm các sự kiện e, f, a, b có hiện tượng A xuất hiện; Trường hợp 3, gồm các sự kiện a, f, g, h cũng có hiện tượng A xuất hiện; Vậy, sự kiện a là nguyên nhân làm xuất hiện hiện tượng A". Suy luận này dựa trên phương pháp gì? **B**

A) PP phần dư.
B) PP tương đồng.
C) PP khác biệt.
D) PP phần dư và PP khác biệt.

183. "Trường hợp 1, gồm các sự kiện a, b, c, d có hiện tượng A xuất hiện; Trường hợp 2, gồm các sự kiện b, c, d nhưng hiện tượng A không xuất hiện; Vậy, sự kiện a là nguyên nhân làm xuất hiện hiện tượng A". Suy luận này dựa trên phương pháp gì? **C**

A) PP phần dư.
B) PP tương đồng.
C) PP khác biệt.
D) PP đồng thay đổi.

184. Khi quan sát sự rơi của 1 đồng xu, 1 tờ giấy bạc, 1 lông chim trong ống nghiệm, chúng ta thấy chúng rơi với tốc độ khác nhau; Sau đó, rút hết không khí trong ống nghiệm, chúng ta thấy chúng rơi với tốc độ như nhau; Ta kết luận: Sức cản của không khí là nguyên nhân làm cho các vật có
khối lượng và hình dạng khác nhau rơi với tốc độ khác nhau. Kết luận này được rút ra dựa trên phương pháp gì?
B

A) PP phần dư.
B) PP khác biệt.
C) PP đồng thay đổi.
D) PP tương đồng.

185. Quan sát thấy: Trường hợp 1, gồm sự kiện a, b, c có hiện tượng A xuất hiện; Trường hợp 2, gồm sự kiện a', b, c có hiện tượng A' xuất hiện; Trường hợp 3, gồm sự kiện a'', b, c có hiện tượng A'' xuất hiện; Ta kết luận: Sự kiện a là nguyên nhân làm xuất hiện hiện tượng A. Kết luận này được rút ra dựa trên phương pháp gì? **D**

A) PP phần dư
B) PP tương đồng
C) PP khác biệt
D) PP đồng thay đổi.

186. Năm 1860, Pasteur đem lên núi Alpes 73 bình đựng nước canh đóng kín đã khử trùng: Ở mực nước biển, mở 20 bình, ít ngày sau 8 bình hư; Ở độ cao 85m, mở 20 bình, ít ngày sau 5 bình hư; Ở độ cao hơn nữa, mở 20 bình, ít ngày sau 1 bình hư. Những bình còn lại đóng kín không hư. Từ những sự kiện này, ông kết luận: Các vi sinh vật đã làm hư bình nước canh không phải tự nhiên mà có, mà chúng do bụi bặm trong không khí mang vào; số vi sinh vật đó giảm dần tương ứng với độ cao, độ lạnh và độ kém của không khí. Kết luận này được rút ra nhờ vận dụng phương pháp gì? ***C*** **A)** PP phần dư.

B) PP tương đồng.
C) PP khác biệt và PP đồng thay đổi.
D) PP đồng thay đổi và PP phần dư.

187. Trong mối quan hệ giữa quy nạp và diễn dịch thì kết luận của quy nạp trở thành yếu tố nào của diễn dịch? **B**

A) Kết luận.
B) Đại tiền đề.
C) Tiểu tiền đề.
D) Cả A), B) và C).

188. Loại suy là gì? C

A) Cơ sở của phương pháp mô hình hóa.
B) Suy luận không chắc chắn nhưng sinh động, dễ hiểu.
C) Suy luận đi từ trường hợp riêng này đến trường hợp riêng khác nhờ một số dấu hiệu tương đồng giữa chúng.
D) Cả A), B) và C).

189. "Trái đất là hành tinh có bầu khí quyển, có sự chênh lệch nhiệt độ ngày đêm không lớn, và có sinh vật. Hoả tinh cũng là hành tinh có bầu khí quyển và độ chênh lệch nhiệt độ ngày đêm không lớn. Do đó, trên Hỏa tinh cũng có sự sống". Đây là suy luận gì? **D**

A) Tam đoạn luận.
B) Diễn dịch gián tiếp.
C) Quy nạp khoa học.
D) A), B) C) đều sai.

190. Điều kiện nào nâng cao độ tin cậy của kết luận loại suy? **D**

A) Có nhiều dấu hiệu tương đồng và ít dấu hiệu khác biệt.
B) Dấu hiệu tương đồng mang tính bản chất; dấu hiệu khác biệt không mang tính bản chất.
C) Dấu hiệu tương đồng và dấu hiệu loại suy có liên hệ tất yếu với nhau.
D) Cả A), B), C).

191. "Óc sinh ra tư tưởng cũng giống như gan sinh ra mật, bàng quang sinh ra nước tiểu" là suy luận gì? **C**

A) Tam đoạn luận tĩnh lược.
B) Loại suy về quan hệ.
C) Loại suy về sự vật.
D) Diễn dịch trực tiếp.

156

192. Bổ sung để được một định nghĩa đúng: "Chứng minh là thao tác lôgích . . .". **C**

A) đi từ những tiền đề tới kết luận đúng.
B) thuyết phục người khác chấp nhận tính chân thực của luận đề do mình đưa ra.
C) dựa trên các luận cứ chân thực để xác lập tính chân thực của luận đề.
D) vạch ra tính sai lầm của phản luận đề.

193. Giả thuyết khoa học là gì? C

A) Dự đoán của các nhà khoa học về tương lai.
B) Cách cắt nghĩa, lý giải tạm thời của các nhà khoa học.
C) Giả định có cơ sở khoa học về mối liên hệ mang tính quy luật của các hiện tượng, quá trình xảy ra trong thế giới.
D) A), B), C) đều đúng.

194. Ba bộ phận cấu thành một chứng minh là gì? **A**

A) Luận cứ, luận đề, lập luận.
B) Diễn dịch, quy nạp, loại suy.
C) Đại tiền đề, tiểu tiền đề, kết luận.
D) Dữ kiện, giả thuyết, kiểm chứng.

195. Chứng minh trực tiếp là gì? **C**

A) CM dựa vào kinh nghiệm cá nhân.
B) CM dựa vào kinh nghiệm tập thể.
C) Suy luận đi từ những luận cứ đúng suy ra luận đề đúng.
D) A), B), C) đều sai.

196. Gọi T là luận đề; a, b, c, d là luận cứ; m, n, p, q là các hệ quả tất yếu được suy ra từ a, b, c, d. Sơ đồ [a ∧ b ∧ c ∧ d) → (m ∧ n ∧ q) → T] thể hiện chứng minh gì? C

A) CM gián tiếp.
B) CM phản chứng.
C) CM trực tiếp.
D) CM loại trừ.

197. Trong chứng minh phản chứng chúng ta phải làm gì? **C**

A) CM luận đề sai.
B) CM luận cứ sai vì mâu thuẫn với luận đề.
C) CM mệnh đề mâu thuẫn với luận đề là mệnh đề sai.

D) Chỉ ra không thể thiết lập được mối liên hệ giữa luận cứ với luận đề.

198. Do điều gì dẫn đến "Sai lầm cơ bản"? ***a***

A) Sử dụng luận cứ không xác thực khi chứng minh hay bác bỏ.
B) Không tuân thủ các quy luật cơ bản của tư duy.
C) Không tuân thủ các quy tắc cơ bản trong chứng minh.
D) Không hiểu được những điều đơn giản, cơ bản trong lập luận.

199. Bác bỏ là gì? **C**

A) Chỉ là một dạng chứng minh đặc biệt.
B) Phản đối gay gắt, phê bình triệt để một luận điểm nào đó.
C) Vạch ra lập luận, luận cứ hay luận đề không đúng.
D) Cả A), B) và C).

200. "Bố vợ hỏi: Tại sao ngỗng kêu to? Con rể học trò đáp: Cổ dài thì kêu to. Con rể nông dân bác bỏ (BB): Ễnh ương cổ đâu mà cũng kêu to!. Bố vợ lại hỏi: Tại sao vịt nổi? Con rể học trò đáp: Nhiều lông ít thịt thì nổi. Con rể nông dân lại BB: Cái thuyền có lông đâu mà cũng nổi". Cách BB của con rể nông dân được gọi là gì? **A**

A) BB luận cứ không là lý do đầy đủ.
B) BB luận chứng không hợp lôgích.
C) BB luận cứ không chân thực.
D) BB luận đề gián tiếp.

201. Cho mệnh đề T, ta xác định mệnh đề ~T trái ngược với mệnh đề T, và chứng minh mệnh đề ~T đúng. Thao tác lôgích này được gọi là gì? ***C***

A) Chứng minh gián tiếp mệnh đề **T**.
B) Chứng minh phản chứng mệnh đề **T.**
C) Bác bỏ gián tiếp mệnh đề **T**.
D) A), B), C) đều sai.

202. Lỗi lôgích "Đánh tráo luận đề" thường xảy ra trong trường hợp nào? **B**

A) Suy luận loại suy.
B) Chứng minh hay bác bỏ.
C) Nguỵ biện dựa vào tình cảm hay bạo lực.
D) Nguỵ biện "cái sau cái đó là do cái đó".

203. "Chứng minh dựa vào tư cách cá nhân" là biểu hiện cụ thể của lỗi lôgích gì? ***A***

A) Sai lầm cơ bản.
B) Lập luận vòng vo.
C) Vượt quá cơ sở.
D) Đánh tráo luận đề.

204. "Lý luận bằng gậy" là biểu hiện cụ thể của lỗi lôgích gì? **A**

A) Sai lầm cơ bản.
B) Lập luận vòng vo.
C) Vượt quá cơ sở.
D) Đánh tráo luận đề.

205. "Hành văn mập mờ" là sai lầm do vi phạm quy luật nào? **D**

A) QL lý do đầy đủ.
B) QL loại trừ cái thứ ba.
C) QL phi mâu thuẫn.
D) A), B) C) đều sai.

206. Nguỵ biện là gì? **C**

A) Sử dụng hình thức tư duy đúng để thay đổi nội dung tư duy.
B) Cố ý mắc lỗi lôgích tinh vi trong mọi quá trình lập luận, suy nghĩ.
C) Cố ý mắc lỗi lôgích với mục đích thay đổi giá trị chân lý của mệnh đề.
D) Lý giải một cách gian xảo, vô đạo đức, nhằm chiến thắng đối phương.

207. Ai đó nói "Tôi là kẻ nói dối"; vậy người đó nói dối hay nói thật? **D**

A) Nói dối.
B) Nói thật.
C) Là người nói thật nhưng trong trường hợp này nói dối.
D) A), B), C) đều sai.

208. Nếu theo lệnh "Chỉ được phép cạo cho tất cả những người và chỉ những người không tự cạo", thì anh thợ cạo có được phép cạo cho mình hay không? **D**

A) Được phép.
B) Không được phép.

C) Lệnh này không áp dụng cho anh thợ cạo.
D) A), B), C) đều sai.

209. Nghịch lý lôgích là gì? ***C***
A) Lập luận hợp lôgích, có tiền đề và kết luận những mệnh đề đối chọi nhau.
B) Là một dạng nguỵ biện đặc biệt; một kiểu phản bác, phê bình triệt để.
C) Lập luận hợp lôgích, có tiền đề và kết luận những mệnh đề mâu thuẫn nhau.
D) A), B), C) đều đúng.

210. Có 3 GV dạy 3 môn: toán, lý, hóa. GV dạy môn lý nhận xét: "Chúng ta mỗi người dạy 1 trong 3 môn trùng với tên của chúng ta nhưng không ai dạy môn trùng với tên của mình cả". GV Toán hưởng ứng: "Anh nói đúng". Hỏi GV nào, dạy môn gì? C
A) GV Toán dạy toán, GV Lý dạy lý, GV Hóa dạy hóa.
B) GV Toán dạy lý, GV Lý dạy hóa, GV Hóa dạy toán.
C) GV Toán dạy hóa, GV Hóa dạy lý, GV Lý dạy toán.
D) GV Toán dạy lý, GV Lý dạy toán, GV Hoá dạy hóa.

211. Có ba GV tên là: Toán, Lý, Hóa; Mỗi người dạy một trong ba môn là: môn toán, môn lý, môn hóa; Ba mệnh đề sau đây chỉ có một mệnh đề đúng: 1) GV Toán dạy môn hóa; 2) GV Lý không dạy môn hóa; 3) GV Hóa không dạy môn lý. Hỏi GV nào dạy môn gì? **B**
A) GV Toán dạy toán, GV Lý dạy lý, GV Hoá dạy hóa.
B) GV Toán dạy lý, GV Lý dạy hóa, GV Hoá dạy toán.
C) GV Toán dạy hóa, GV Hoá dạy lý, GV Lý dạy toán.
D) GV Toán dạy lý, GV Lý dạy toán, GV Hoá dạy hóa.

212. Nếu mệnh đề "Trong hội nghị này (THNN) có người tán thành ý kiến ấy" là đúng, thì mệnh đề nào sau đây cũng đúng? A
A) THNN không phải không có người tán thành ý kiến ấy.
B) THNN không có ai không tán thành ý kiến ấy.
C) THNN có vài người không tán thành ý kiến ấy.
D) A), B), C) đều đúng.

213. Nếu mệnh đề "Trong hội nghị này (THNN) có người tán thành ý kiến ấy (TTYKÂ)" là sai, thì mệnh đề nào sau đây sẽ đúng? **B**
A) THNN không phải không có người TTYKÂ.
B) THNN không có ai không TTYKÂ.
C) THNN có vài người không TTYKÂ.
D) B) và C) đều đúng.

214. Bốn bạn X, Y, Z, W vừa thi đấu cờ vua trở về. Có ba em đạt ba giải (nhất, nhì, ba) và một em không đạt giải. Khi được hỏi về kết quả, các em trả lời như sau: X trả lời: "Mình đạt giải nhì hoặc ba"; Y trả lời: "Mình đã đạt giải"; Z trả lời: "Mình đạt giải nhất"; W trả lời: "Mình không đạt giải". Biết có 3 bạn nói thật, 1 bạn nói đùa. Hỏi bạn nào nói đùa? A
A) Bạn Z nói đùa.
B) Bạn Y nói đùa.
C) Bạn X nói đùa.
D) Bạn W nói đùa.

215. P nói: "…xin thưa để cho rõ rằng, nếu mọi người đều trở thành học giả hay làm ông lớn cả thì lấy ai đi cày hay buôn bán nữa. Rồi nhân loại chết đói hết". Q cố bác bẻ: "Nhưng nếu ai cũng đi cày hay đi buôn cả thì còn ai thông hiểu học vấn nữa. Rồi nhân loại dốt hết". Suy luận rút gọn của P và Q là suy luận gì, có hợp lôgích không? C
A) TĐL kéo theo, hình thức khẳng định, hợp lôgích.
B) TĐL kéo theo, hình thức phủ định, hợp lôgích.
C) TĐL kéo theo, hình thức khẳng định, không hợp lôgích.
D) TĐL kéo theo, hình thức phủ định, không hợp lôgích.

216. Có cuộc thoại: Chàng trai - "Nếu em lấy anh thì anh sẽ không để cho em phải khổ". Cô gái - "Vậy, anh muốn nói rằng, nếu không lấy anh thì đời em sẽ khổ chứ gì?". Kết luận của cô gái rút ra dựa trên suy luận gì, có hợp lôgích không? C
A) Tam đoạn luận tĩnh lược, hợp lôgích.
B) Diễn dịch trực tiếp, hợp lôgích.
C) Diễn dịch trực tiếp, không hợp lôgích.
D) Kiểu đổi chỗ, không hợp lôgích.

217. Có ba ông thợ cắt tóc X, Y, Z (một ông thợ giỏi, một ông thợ trung bình, một ông thợ vụng) tháng nào cũng cắt tóc cho nhau. Hãy cho biết tay nghề của từng ông thợ, nếu quan sát thấy: Tháng đầu, đầu ông X được cắt trung bình, đầu ông Y được cắt đẹp, đầu ông Z bị cắt xấu. Tháng sau, đầu ông X được cắt đẹp, đầu ông Y bị cắt xấu, đầu ông Z được cắt trung bình. C
A) X – thợ cắt đẹp; Y – thợ cắt trung bình; Z – thợ cắt xấu.

B) Z – thợ cắt đẹp; X – thợ cắt trung bình; Y – thợ cắt xấu.
C) Y – thợ cắt trung bình; Z – thợ cắt đẹp; X – thợ cắt xấu.
D) Y – thợ cắt đẹp; Z – thợ cắt trung bình; X – thợ cắt xấu.

218. "Hắn chửi như những người say rượu hát. Giá mà hắn biết hát thì hắn đã không chửi. Nhưng khổ cho đời và khổ cho người là hắn lại không biết hát. Vậy thì hắn chửi, cũng như chiều nay hắn chửi". Đoạn văn trên thể hiện suy luận gì? có hợp lôgích không? A

A) Tam đoạn luận (TĐL) giả định, hợp lôgích.
B) TĐL điều kiện, hợp lôgích.
C) TĐL giả định, không hợp lôgích.
D) TL điều kiện, không hợp lôgích.

219. "Nó mà sống thì là một chuyện màu nhiệm, mà chuyện màu nhiệm thì không còn xảy ra ở cái thế giới này nữa". Đoạn văn trên thể hiện suy luận gì? có hợp lôgích không? C

A) Tam đoạn luận (TĐL) kéo theo, hình thức phủ định, không hợp lôgích.
B) TĐL kéo theo thuần tuý, tĩnh lược kết luận, hợp lôgích.
C) TĐL kéo theo, hình thức phủ định, hợp lôgích.
D) Diễ dịch trực tiếp, kiểu kéo theo, hợp lôgích.

220. "Không có sách thì không có tri thức. Không có tri thức thì không có chủ nghĩa cộng sản". Đoạn văn này thể hiện suy luận gì? Có hợp lôgích không? D

A) Tam đoạn luận (TĐL) kéo theo, hợp lôgích.
B) TĐL kéo theo thuần túy, không hợp lôgích.
C) Diễn dịch trực tiếp, hợp lôgích.
D) A), B), C) đều sai.

221. "Những người yếu đuối vẫn hay hiền lành. Muốn ác, phải là kẻ mạnh. Hắn đâu còn mạnh nữa". Đoạn văn này thể hiện suy luận gì? có hợp lôgích hay không? A

A) Tam đoạn luận (TĐL) kéo theo, hình thức khẳng định, bớt kết luận, hợp lôgích.
B) TĐL kéo theo, hình thức khẳng định, bớt kết luận, không hợp lôgích.
C) TĐL kéo theo, hình thức phủ định, bớt tiểu tiền đề, hợp lôgích.
D) Tam đoạn luận, không hợp lôgích.

222. "Bao giờ cây lúa còn bông, thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn". Câu ca dao này thể hiện suy luận gì? Có hợp lôgích không? C

A) Tam đoạn luận kéo theo (TĐLKT), không hợp lôgích.
B) TĐLKT, hình thức phủ định, bớt đại tiền đề và kết luận, hợp lôgích.
C) TĐLKT, hình thức khẳng định, bớt tiểu tiền đề và kết luận, hợp lôgích.
D) Diễn dịch trực tiếp, bớt kết luận, hợp lôgích.

223. "Không hiệp ý thì đã chẳng đến đây; đã đến đây tức là không ai không hiệp ý". Đoạn văn này thể hiện suy luận gì? Có hợp lôgích không? D

A) Tam đoạn luận (TĐL) kéo theo thuần tuý, bớt kết luận, hợp lôgích.
B) TĐL kéo theo, hình thức phủ định, bớt kết luận, hợp lôgích.
C) TĐL kéo theo thuần tuý, bớtđại tiền đề, không hợp lôgích.
D) Diễn dịch trực tiếp kiểu kéo theo, hợp lôgích.

224. "Vợ tôi là đàn bà; cô là đàn bà; vậy, cô là vợ tôi". Kết luận sai lầm này có thể bác bỏ bằng cách nào? **C**

A) Chỉ ra luận cứ không chân thực.
B) Chỉ ra luận cứ không là lý do đầy đủ.
C) Chỉ ra lập luận không hợp lôgích.
D) A), B), C) đều đúng.

225. Suy luận: "Nghèo đói thì không học hành được; Không học hành được thì dốt nát; Dốt nát thì không biết cách làm ăn; Không biết cách làm ăn thì lại đói nghèo. Như vậy, đói nghèo lại sinh ra nghèo đói" là đúng hay sai, vì sao? D

A) Sai, vì luẩn quẩn.
B) Sai, vì quá bi quan.
C) Sai, vì trên thực tế không học hành được cũng chưa chắc chắn là dốt nát.
D) Đúng về hình thức, nhưng kết luận sai, vì có tiền đề sai.

226. Qua lời thoại sau hãy xác định lý luận của Y là gì?
X: Tôi cho rằng anh không tuân theo quy tắc giao thông như vậy là sai. Phải sửa chữa. Y: Không tuân theo cũng chẳng có gì là ghê gớm cả!
X: Mọi người ai cũng không tuân theo thì trên đường sẽ loạn.
Y: Tôi không cãi nổi với anh, mà anh cũng chả giỏi giang gì, anh thử nói giao thông là gì xem nào?. C

A) Ngụy biện đòi hỏi quá đáng.
B) Ngụy biện công kích đối phương.

C) Ngụy biện đánh lạc hướng.
D) Lập luận vòng quanh, dài dòng.

227. Ba công ty S_1, S_2, S_3 thỏa thuận với nhau: "Nếu S_1 không đầu tư vào một lĩnh vực nào đó thì S_2 cũng không được đầu tư vào lĩnh vực đó. Nhưng, nếu S_1 đầu tư vào một lĩnh vực nào đó thì cả S_2 và S_3 đều phải đầu tư vào lĩnh vực đó". Hỏi, nếu S_2 đầu tư vào lĩnh vực địa ốc thì S_3 có phải đầu tư vào lĩnh vực địa ốc hay không? B

A) Đầu tư mà bất chấp S_1 có đầu tư hay không.
B) Đầu tư khi S_1 đầu tư.
C) Đầu tư khi S_1 không đầu tư.
D) Không đầu tư khi S_1 đầu tư.

228. Ông B có quan hệ gì với bà A; nếu biết, Mẹ chồng bà A có 2 chị em mà em vợ của ông B là cậu của chồng bà A? C

A) Ông B là bác chồng bà A.
B) Ông B là cậu chồng bà A.
C) Ông B là ba chồng bà A.
D) Ông B là dượng chồng bà A.

229. Mệnh đề nào tương đương với: "Lượng sắt trong cơ thể (CT) của chúng ta là không đáng kể, nhưng lượng sắt đó lại hoàn toàn không thể thiếu được đối với việc duy trì sự sống cho con người (CN)"? C

A) Muốn sống thì CT của CN cần phải có sắt.
B) Lượng sắt đáng kể trong CT của chúng ta là lượng sắt không duy trì sự sống cho CN. **C)** Điều kiện cần và đủ để CN sống được là trong CT của CN phải có sắt.
D) Lượng sắt không đáng kể trong CT của chúng ta là lượng sắt không thể thiếu được đối với việc duy trì sự sống cho CN.

230. Ba bạn X, Y và Z thỏa thuận với nhau như sau: 1) Nếu X không tán thành một vấn đề nào đó thì Y cũng không tán thành vấn đề đó; 2) Nếu X tán thành một vấn đề nào đó thì cả Y lẫn Z đều phải tán thành vấn đề đó. Hỏi, nếu Y tán thành một vấn đề nào đó thì Z có tán thành vấn đề đó hay không? A

A) Tán thành, khi X tán thành.
B) Không tán thành, khi X không tán thành.
C) Tán thành, khi X không tán thành.
D) Không tán thành, khi X tán thành.

231. Hai bạn X và Y hay đùa (lúc nói thật, lúc nói dối). Một lần, X bảo Y: "Lúc nào mình không nói dối thì cậu cũng không nói dối". Y trả lời: "Lúc nào mình nói dối thì cậu cũng nói dối". Hỏi, lúc này bạn nào nói thật, bạn nào nói dối? A

A) X nói dối, Y nói thật.
B) X nói thật, Y nói dối.
C) X và Y cùng nói dối.
D) X và Y hoặc cùng nói dối hoặc cùng nói thật.

232. Nếu gọi: P = Tôi có tiền, Q = Tôi mua rượu; thì phán đoán: "Rượu ngon không có bạn hiền. Không mua, không phải không tiền không mua" được ký hiệu như thế nào? C

A) $\sim(P \rightarrow \sim Q)$.
B) $\sim(\sim P \rightarrow Q)$.
C) $\sim(\sim P \rightarrow \sim Q)$.
D) $(\sim P \rightarrow \sim Q)$.

233. Nếu gọi: P = Có sự ngăn sông cách núi, R = Lòng người ngại núi e sông, Q = Đường đi khó; thì phán đoán: "Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông" được ký hiệu như thế nào? A

A) $\sim(P \rightarrow Q) \wedge (R \rightarrow Q)$.
B) $\sim(\sim P \rightarrow Q) \wedge (\sim R \rightarrow Q)$.
C) $\sim[(P \rightarrow Q) \wedge (R \rightarrow Q)]$.
D) $\sim(P \rightarrow Q) \wedge (\sim R \rightarrow Q)$.

MỘT SỐ BÀI TOÁN VUI

1. Trước vành móng ngựa là ba người đàn ông. Họ là người bản xứ hoặc tên thực dân. Quan tòa biết, khi được hỏi tên thực dân bao giờ cũng nói dối, còn người bản xứ bao giờ cũng nói thực; nhưng quan tòa không biết, trong bọn họ ai là người bản xứ, ai là tên thực dân. Quan tòa hỏi người thứ nhất: "*Anh là ai?*". Do anh ta nói ngọng nên quan tòa nghe mà không hiểu được câu trả lời. Quan tòa bèn quay sang hỏi người thứ hai, và sau đó, hỏi người thứ ba chung một câu hỏi: "*Anh ta (người thứ nhất) nói gì vậy?*". Người thứ hai trả lời: "*Anh ta nói rằng anh ta là người bản xứ*". Còn người thứ ba đáp: "*Anh ta nói rằng, anh ta là tên thực dân*". Nghe xong, quan tòa xác định chính xác được người thứ hai và người thứ ba, ai là tên thực dân, ai là người bản xứ. Biết rằng, ba người đứng trước vành móng ngựa khi nghe nói họ đều hiểu nhau đã nói gì. Yêu cầu thiết lập lại suy luận đã diễn ra trong đầu quan tòa.

2. Một tốp biệt kích gồm ba tên A, B và C bị bắt gọn. Trong phòng hỏi cung chúng khai như sau: A khai: "*B là lính*"; B khai: "*Tôi phụ trách điện đài*"; C khai: "*B là toán trưởng*". Nguồn tin tình báo cho biết, trong toán biệt kích đó có: Một tên ác ôn làm toán trưởng, hắn không bao giờ khai thật; Một tên phụ trách điện đài hay dao động, hắn có thể khai thật, nhưng cũng có thể khai dối; Một người nghèo khổ bị ép buộc đi lính, dễ giác ngộ nên luôn khai thật. Hỏi ai là toán trưởng, ai phụ trách điện đài, ai là lính?

3. Tại một hòn đảo xinh đẹp nọ có hai bộ lạc A và B sinh sống. Người thuộc bộ lạc A luôn nói thật, còn người thuộc bộ lạc B lúc nào cũng nói dối. Một du khách ghé thăm hòn đảo đó liền thuê một người bản xứ làm người giúp việc. Đi một quãng, họ trông thấy một người đàn ông bản xứ khác. Du khách bảo người giúp việc ra hỏi ông ta là người thuộc bộ lạc nào. Người giúp việc ra đi, khi quay về trả lời: "*Anh ta nói rằng, anh ta là người thuộc bộ lạc B*". Nghe xong, du khách khẳng định được người giúp việc là người không thật thà, bèn đuổi đi mà không thuê nữa. Hỏi du khách đã suy luận như thế nào mà khẳng định chắc chắn như vậy?

4. Người ta đồn rằng ở một ngôi miếu nọ rất thiêng do ba vị thần ngự trị: Thần Thật Thà luôn nói thật; Thần Dối Trá luôn nói dối; và Thần Khôn Ngoan lúc nói thật lúc nói dối. Các thần ngự trên bệ thờ sẵn sàng trả lời khi có người thỉnh cầu; nhưng do hình dạng các thần giống hệt nhau nên người ta không biết thần nào trả lời để mà tin hay không tin… Có lần, một học giả từ phương xa đến miếu để xin lời thỉnh cầu. Khi quan sát thấy ba vị thần giống hệt nhau, học giả bèn hỏi vị thần bên phải: "*Ai ngồi cạnh ngài?*". Thần đáp: "*Đó là Thần Dối Trá*". Tiếp đó, học giả hỏi vị thần ngồi giữa: "*Ngài là thần gì?"*. Thần đáp: "*Ta là Thần Khôn Ngoan"*. Sau cùng học giả quay sang hỏi vị thần bên trái: "*Ai ngồi cạnh ngài?"*. Thần đáp: "*Đó là Thần Thật Thà* ". Nghe xong học giả xác định được thần nào là thần gì. Hỏi học giả suy luận như thế nào mà xác định nhanh và chắc chắn như vậy?

5. Ở xã X chỉ chỉ có hai làng A và B. Người làng A luôn nói thật, còn người làng B lúc nào cũng nói dối. Có một chàng trai về thăm người yêu ở làng A. Vừa bước vào xã X, đang ngơ ngác chưa biết mình đang đứng trên làng nào, chàng trai gặp một cô gái và hỏi cô này ***một*** câu. Sau khi nghe câu trả lời chàng trai bèn quay ra và sang làng A bên cạnh để tìm người yêu. Bạn hãy cho biết, chàng trai đã hỏi gì và cô gái đã trả lời ra sao, mà dựa vào đó chàng trai đã khẳng định chắc chắn như vậy?

6. Một đoàn du khách trên đường đi thăm Khu Bảo tồn động vật hoang dã. Khi đến một ngã ba chưa biết phải rẽ lối nào thì họ thấy hai người câm song sinh đang làm việc cạnh đó. Họ đã được các đoàn du khách trước lưu ý rằng, trong hai người câm đó có một người chuyên "nói" thật còn một chuyên "nói" dối, và khi được hỏi họ chỉ trả lời bằng cách gật đầu (khẳng định, đúng) hay lắc đầu (phủ định, sai). Do họ giống nhau nên mọi người không biết ai là người chuyên "nói" thật, ai là người chuyên "nói" dối để mà tin hay không tin.

A) Một du khách đến gần và đặt chung cho cả hai người câm ***một*** câu hỏi. Sau khi nhận hai "câu" trả lời, du khách đó biết lối đoàn phải rẽ. Bạn hãy cho biết câu hỏi đó như thế nào?

B) Một lát sau, du khách thứ hai cũng lại gần và đặt ***hai*** câu hỏi cho một trong hai người câm đó. Sau khi nhận hai "câu" trả lời, du khách biết lối đoàn phải rẽ. Bạn hãy cho biết hai câu hỏi đó như thế nào?

C) Sau cùng, một cô gái trẻ chỉ hỏi một trong hai người câm ***một*** câu. Sau khi nhận "câu" trả lời, cô gái cũng biết lối đoàn phải rẽ. Bạn hãy cho biết câu hỏi đó thế nào?

7. Ở một hòn đảo xinh đẹp nọ có một bộ lạc hung dữ sinh sống. Từ lâu họ duy trì một tục lệ khắc nghiệt là: *Bất cứ người lạ nào có mặt trên hòn đảo nếu chẳng may bị họ bắt được thì sẽ bị xử tử bằng một trong hai cách là chém đầu hay treo cổ. Tuy nhiên, trước khi hành quyết, bao giờ họ cũng cho người xấu số nói một câu và sau đó họ xác định, nếu là câu đúng thì người lạ đó sẽ bị đem đi chém đầu, còn nếu là*

câu sai thì người lạ đó sẽ bị đem đi treo cổ. Tất cả những người hiếu kỳ đã đến mà không trở về được. Lần này, một học giả dũng cảm đã đến thăm hòn đảo đó, và ông cũng bị bắt nhưng thoát chết. Hỏi học giả đó đã nói câu gì mà bộ lạc nọ không thể xử tử ông được?

8. Ngày xưa, có một người tù bị tội chết chém. Nghe đồn người tù này rất thông minh, tên chúa ngục cho gọi người tù này lên bảo: *"Ngục giam nhà ngươi có hai cửa, một là cửa sống và một là cửa chết. Mỗi cửa có một lính gác, một người nói thật và một người nói dối. Ta cho phép nhà ngươi hỏi một trong hai lính gác đó và chỉ được hỏi một câu để chọn cửa đi ra. Nếu nhà ngươi đi qua cửa sống ta thả, nếu đi qua cửa chết ta chém đầu ngay. Nhớ rằng cả hai lính gác đều biết họ đang gác cửa nào và họ chỉ trả lời bằng gật đầu hoặc lắc đầu".* Người tù thông minh đã hỏi một câu và đi qua cửa sống. Vậy người tù đó đã hỏi câu gì?

9. Một khách lạ tìm đường đến thăm bạn thân. Khi đến một cây đa ở ngã ba thì nhớ lời bạn dặn là có ba con đường dẫn đế ba làng A, B, C khác nhau. May thay có ba thanh niên đang ngồi nghỉ dưới gốc cây đa và ba người này lại ở đúng ba làng trên. Trong đó, người thanh niên làng A nói thật, người thanh niên làng B nói dối, người thanh niên làng C nói thật dối xen kẽ. Và khi được hỏi họ chỉ trả lời đúng hay không. Người khách lạ đã hỏi một trong ba thanh niên trên đúng **4** câu là biết ai ở làng nào, vì thế biết được con đường nào dẫn tới làng của bạn mình. Vậy **4** câu hỏi đó là gì?

10. Ba ông thợ cắt tóc A, B, C; trong đó có một ông thợ giỏi, một ông thợ trung bình, một ông thợ vụng. Tháng nào họ cũng cắt tóc cho nhau. Quan sát thấy: Tháng đầu quan sát ta thấy đầu ông A cắt trung bình, đầu ông B đẹp, đầu ông C xấu. Tháng sau quan sát thấy đầu ông A cắt đẹp, đầu ông B xấu, đầu ông C trung bình. Hãy cho biết tay nghề của từng ông thợ.

11. Có 3 mũ trắng và 2 mũ đen. Đội cho ba em A, B, C mỗi người một cái, 2 cái được đem cất. Mỗi em biết được hai bạn còn lại đội mũ màu gì nhưng không biết màu mũ đang đội trên đầu mình, cũng như màu của hai cái mũ đã cất đi. A nhìn mũ trên đầu B và C nhưng vẫn chưa nghĩ ra. B nhìn mũ trên đầu A và C nhưng vẫn không đoán được. C nhìn mũ của hai bạn A và B đã đoán đúng màu mũ trên đầu của mình. Vậy, C đã suy nghĩ như thế nào?

12. Có ba giáo viên tên là: Toán, Lý, Hóa; Mỗi người dạy một trong ba môn là: môn toán, môn lý, môn hóa; Ba mệnh đề sau đây chỉ có một mệnh đề đúng: *1) GV Toán dạy môn hóa; 2) GV Lý không dạy môn hóa; 3) GV Hóa không dạy môn lý.* Hỏi GV nào dạy môn gì?

13. Bốn bạn A, B, C, D vừa thi đấu cờ vua trở về. Có ba em đạt ba giải (nhất, nhì, b**A)** và một em không đạt giải. Khi được hỏi về kết quả, các em trả lời như sau:

A trả lời: *Mình đạt giải nhì hoặc ba*; B trả lời: *Mình đã đạt giải*;
C trả lời: *Mình đạt giải nhất*; D trả lời: *Mình không đạt giải*.

Biết ba bạn nói thật và một bạn nói đùa. Hỏi bạn nào nói đùa, bạn nào đạt giải nhất, bạn nào không đạt giải?

14. Sáu bạn A, B, C, D, E, F được cử đi thi đấu cờ vua. Các bạn trong trường đưa ra 5 dự đoán: Dự đoán 1: *A và B sẽ đạt giải*; Dự đoán 2: *C và D sẽ đạt giải*;

Dự đoán 3: *E và A sẽ đạt giải*; Dự đoán 4: *C và E sẽ đạt giải*;

Dự đoán 5: *F và A sẽ đạt giải*.

Kết quả: Chỉ có 2 bạn đạt giải. Biết trong 5 dự đoán trên có 4 dự đoán đúng một phần và 1 dự đoán sai hoàn toàn. Vậy ai đã đạt giải?

15. Viên trợ lý giám đốc của một xí nghiệp nọ được giao chủ trì ba cuộc đàm phán, theo thứ tự, với ba xí nghiệp A, B và C bị ràng buộc bởi điều kiện như sau: *Nếu cuộc đàm phán ở A thất bại thì cuộc đàm phán ở B cũng thất bại; nếu cuộc đàm phán ở B thất bại thì cuộc đàm phán ở C cũng sẽ không thành.* Khi cuộc đàm phán ở B bước vào giai đoạn cuối, ông giám đốc được thông báo là cuộc đàm phán ở đó sẽ không thể thành công được. Đang lúc bực tức, ông giám đốc quyết định gửi điện khiển trách viên trợ lý không khéo léo nên đã để cuộc đàm phán ở A thất bại, đồng thời ra lệnh triệu hồi viên trợ lý không tiến hành đàm phán ở C nữa. Hỏi quyết định của vị giám đốc nọ đúng hay sai?

16. Hai bạn X và Y hay đùa (lúc nói thật, lúc nói dối). Một lần, X bảo Y: "*Lúc nào mình không nói dối thì cậu cũng không nói dối*". Y trả lời: "*Lúc nào mình nói dối thì cậu cũng nói dối*". Hỏi, lúc này bạn nào nói thật, bạn nào nói dối?

17. Nhà thơ Goethe, một hôm, đi dạo trong vườn hoa ở Weimar. Trên một đoạn đường hẹp, chỉ vừa một người đi, Goethe gặp một người không thích thơ ông. Đứng trước Goethe, người đó bảo: *"Tôi không nhường đường cho một người ngớ ngẩn".* Goethe liền đứng sang một bên, mỉm cười và nói: "*Tôi sẵn sàng nhường".* Hãy viết lại đầy đủ lập luận của hai người? Xét xem chúng là suy luận gì, có hợp lôgích không?

18. Có lần, một nhà văn nổi tiếng nhận được một bức thư cầu hôn của một cô gái, trong đó, có đoạn viết: "*...Em tưởng tượng các đứa con sau này của chúng ta sẽ tuyệt vời biết bao, vì chúng có trí thông minh của anh và sắc đẹp của em".* Nhà văn đã viết trả lời: "*...Tôi rất lo lắng cho những đứa con bất hạnh, nếu chẳng may, chúng có sắc đẹp của tôi và trí thông minh của cô".* Hãy viết lại đầy đủ suy luận của cô gái và của nhà văn, xét xem chúng là suy luận gì, có hợp lôgích không?

19. P nói: *"... xin thưa để cho rõ rằng, nếu mọi người đều trở thành học giả hay làm quan cả thì lấy ai đi cày hay đi buôn nữa... Rồi đến chết đói hết".* Q cố bác bẻ: *"Nhưng nếu ai cũng đi cày hay đi buôn cả thì còn ai thông hiểu học vấn nữa... Rồi nhân loại ngu dốt hết...".* Cả hai đều nghĩ rằng, mình vừa nói ra một điều gì rất hệ trọng và có sức thuyết phục lắm, lâu bàu ra vẻ nghiêm trang và cùng đằng hắng một tiếng rõ đều... Hãy viết lại đầy đủ suy luận của của P và Q, xét xem chúng là suy luận gì, có hợp lôgích không?